

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019.
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: ông Thạch Nhị và ông Nguyễn Văn Được

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXX-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Võ Thị Phương A-** SN: 1989 (có)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường T, thành phố Đ, Bình Phước

Bị đơn: **Ông Trần Văn H-** SN: 1971 (vắng)

Nơi cư trú: khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Phương A trình bày:

Tôi và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2015 đến năm 2018 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường T, thành phố Đ, Bình Phước. Sau khi đăng ký kết hôn chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, lý do là do ông H không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, gây gổ lẫn nhau, cuộc sống chung vì thế không hạnh phúc, chúng tôi không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc, lo lắng gì cho nhau mà ông H còn hành hung, đánh đập tôi. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn vì con chung nhưng đều không có kết quả. Hiện nay tôi và ông H đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là Trần Công M, sinh năm 2016 và Trần Cao Minh H, sinh năm 2018, do hai con còn nhỏ và đang do tôi và bên ngoại chăm sóc nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Huỳnh: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên tại đơn xin tạm hoãn vụ án ngày 31/7/2019 ông H đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà A. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội Đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn*” do bà Võ Thị Phương A đứng đơn khởi kiện. Bị đơn ông Trần Văn H cư trú tại khu phố 5, phường T, thành phố Đ, Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông H không đến Tòa án để tham gia tố tụng là đương nhiên từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ theo các quy định tại các Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: bà A, ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 45, ngày 17/7/2018. Căn cứ điều 8 và điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do vậy bà A có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H là có căn cứ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn với ông H của bà A thấy rằng: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi vã, xô xát, gây gổ lẫn nhau, vì thế vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc, lo lắng gì cho nhau, do vậy, bà A và ông H đã sống ly thân. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được giải thích, khuyên nhủ bà A vì con chung và cho ông H được hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh. Đối với bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án từ đó ông H đã làm đơn thể hiện sự đồng ý ly hôn với bà A. Từ cơ sở trên, xét thấy hôn nhân giữa bà A và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn

gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông H của bà A.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu, ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Vân Anh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương A được ly hôn với ông Trần Văn Huỳnh (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, Bình Phước, vào sổ đăng ký kết hôn số 45, ngày 17/7/2018*).

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu, ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001217, quyển số 0025 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố Đ.

4. Quyền kháng cáo: bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội Thẩm Nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

THẠCH NHỊ

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC

PHAN THỊ MỸ DUNG